

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

Nghi Xuân, ngày 13 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1975

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1975

Có cùng địa chỉ: Thôn Phúc A, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Doãn T, sinh năm 1954 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1953; Có cùng địa chỉ: Thôn Phúc A, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Trần Thị M và đại diện theo ủy quyền của ông Trần Doãn T và bà Trương Thị Đ: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1988; địa chỉ: đường Siêu H, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 7 Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 70 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147, Điều 156, khoản 3 Điều 157, 158, 164, khoản 2 Điều 165, 166, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Các đương sự có 02 con chung. Các con chung Trần Anh T, sinh ngày 17/6/1995 và Trần Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 10/7/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: 01 căn nhà trên thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, diện tích 469,5m² tại thôn Phúc An, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Nghi Xuân cấp Giấy CNQSD đất số CG 306896 ngày 15/5/2017 (Cấp đổi lại GCN số CĐ 863278 cấp ngày 03/10/2016) mang tên ông Trần Doãn T và bà Trương Thị Đ.

Giá trị tài sản chung là: 1.189.489.000 đồng (*Một tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Nay:

Giao cho chị Trần Thị M được toàn quyền sở hữu, sử dụng định đoạt 01 căn nhà trên thửa đất số 89, tờ bản đồ số 5, diện tích 469,5m² tại thôn Phúc An, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Nghi Xuân cấp Giấy CNQSD đất số CG 306896 ngày 15/5/2017 (Cấp đổi lại GCN số CĐ 863278 cấp ngày 03/10/2016) mang tên ông Trần Doãn T và bà Trương Thị Đ.

Chị Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Th giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 594.744.500 đồng (*Năm trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*).

Các tài sản vặt vặt khác trong nhà không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.592.924 đồng (*Năm triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng*) và chi phí định giá tài sản là 10.543.000 đồng (*Mười triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), tổng số tiền 16.135.924 đồng. Các đương sự đã nộp đủ.

- Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 13.894.890 đồng (*Mười ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi đồng*) án phí chia tài sản theo quyết định của Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012045 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị Trần Thị M phải nộp thêm 13.669.890 đồng (*Mười ba triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

Anh Trần Văn Th phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 13.894.890 đồng (*Mười ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi đồng*) án phí chia tài sản theo quyết định của Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trần Thị M không chịu đóng tiền như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- UBND xã Xuân Hải, NX, HT (GCNKH ngày 12/11/1994);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ ĐÓNG DẤU)

Đặng Thị Hương